

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Số: 69/2023/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách thực hiện bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 năm 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 380/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định một số chính sách thực hiện bố trí dân cư các vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình được bố trí ổn định nơi ở theo hình thức tái định cư tập trung hoặc xen ghép được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình đang sinh sống trong vùng thiên tai có nguy cơ mất nhà ở, đất ở do sạt lở sụt lún đất, lũ quét, ngập lụt, nước dâng; vùng đặc biệt khó khăn do thiếu đất, nước để sản xuất; các làng chài trên sông nước và khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

b) Các hộ gia đình thuộc dự án sắp xếp và ổn định dân cư vùng sạt lở xã Thắng Cương (nay là Thị trấn Nham Biền), huyện Yên Dũng giai đoạn 2; các hộ gia đình sinh sống tại làng chài thuộc xã Vân Hà, huyện Việt Yên; các hộ gia đình trong vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở sụt lún đất, lũ quét, ngập lụt, nước dâng trên địa bàn huyện Lục Ngạn.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân

dân cấp xã nơi dân đến và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ bố trí dân cư.

3. Đối tượng áp dụng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều này không bao gồm đối tượng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Bố trí dân cư phải gắn với đất sản xuất, phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các quy hoạch khác trên địa bàn. Bố trí dân cư để khắc phục, phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai như sạt lở sứt lún đất, lũ quét, ngập lụt, nước dâng gây ra, trong đó các hộ gia đình mất nhà ở, chỗ ở được ưu tiên thực hiện trước.

2. Bố trí dân cư phải trên cơ sở nguyện vọng và sự đồng thuận của người dân, cộng đồng dân cư, phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo điều kiện kết cấu hạ tầng thiết yếu, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái.

3. Thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với di dân tập trung. Phạm vi bố trí dân cư chủ yếu trong địa bàn cấp xã, huyện; trường hợp bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, phải có sự thống nhất của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dân đi và nơi dân đến.

4. Mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ một lần.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

1. Hộ gia đình phải di chuyển đến chỗ ở mới theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hộ gia đình chỉ được hỗ trợ khi có một chỗ ở duy nhất tại khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai hoặc khu vực đặc biệt khó khăn mà không có chỗ ở tại khu vực khác, được chính quyền nơi dân đi xác nhận.

Điều 5. Nội dung, phương thức và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ công tác di chuyển.

a) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí trực tiếp cho hộ gia đình để thực hiện di chuyển người và tài sản đến nơi ở mới, thực hiện khai hoang đất sản xuất, xây dựng nhà ở, mua lương thực trong thời gian đầu tại nơi tái định cư, khoan giếng nước sinh hoạt nơi

không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

b) Mức hỗ trợ: 30 triệu đồng/hộ gia đình.

c) Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ trực tiếp chủ hộ gia đình hoặc người được chủ hộ gia đình ủy quyền nhận hỗ trợ sau khi đã hoàn thành việc di chuyển đến nơi ở mới an toàn. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án chi trả tiền hỗ trợ cho các hộ gia đình trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày các hộ gia đình đã di chuyển đến nơi ở mới được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dân đến xác nhận.

2. Hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận dân xen ghép.

a) Nội dung hỗ trợ

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận dân xen ghép được hỗ trợ để thực hiện các nội dung: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ gia đình mới đến, xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng. Các hạng mục công trình được lựa chọn để nâng cấp hoặc đầu tư mới theo thứ tự ưu tiên, có sự tham gia của cộng đồng người dân sở tại.

b) Mức hỗ trợ: 60 triệu đồng/hộ gia đình.

c) Phương thức hỗ trợ

Hỗ trợ điều chỉnh đất ở, đất sản xuất: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án hỗ trợ sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành công tác điều chỉnh đất ở, đất sản xuất và giao cho các hộ gia đình.

Hỗ trợ công trình: Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án hỗ trợ thông qua việc xây dựng, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng theo quy định.

3. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp.

a) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ hộ gia đình mua sắm nông cụ, máy móc hoặc hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững trực tiếp cho lao động thuộc hộ gia đình được bố trí đến vùng dự án ổn định dân cư để chuyển đổi nghề nghiệp.

b) Mức hỗ trợ

Hộ gia đình được hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ gia đình để mua sắm nông cụ, máy móc, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác trong trường hợp chính quyền địa phương không bố trí được đất sản xuất.

Trường hợp không có nhu cầu mua sắm nông cụ, máy móc: Hộ gia đình

được hỗ trợ học nghề cho một lao động để chuyển đổi nghề nghiệp theo quy định tại Quyết định số 6/2023/QĐ-UBND ngày 01/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định danh mục nghề và mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

c) Phương thức hỗ trợ

Căn cứ hóa đơn tài chính mua sắm nông cụ, máy móc của hộ gia đình hoặc hóa đơn, chứng từ của lao động tham gia học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dân đến xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án chi trả tiền hỗ trợ cho các hộ gia đình.

Điều 6. Nguồn kinh phí

Nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XIX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Bộ Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIX;
- Thường trực: Huyện uỷ, Thành uỷ, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng